TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 13-Phòng Kế hoạch và QT chi phí

Tháng 2 năm 2019

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Lương 100%		PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ						Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Lương	Công	Lương	HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Thuế TNCN			
1	**01**	**Tổ quản lý**			**51**		**25.211.000**	**15**	**4.231.538**			**29.442.538**	**1.760.300**	**330.100**	**220.000**	**294.400**	**165.000**		**2.769.800**	**26.672.738**	
1	HL-00031	Nguyễn Mạnh Hà	Trưởng phòng	6.690.000	17	A	10.461.000	5	1.286.538			11.747.538	535.200	100.400	66.900	117.500	55.000		875.000	10.872.538	
2	HL-00032	Vũ Đình Tú	Phó phòng	8.471.000	17	A	7.375.000	5	1.629.038			9.004.038	677.700	127.100	84.700	90.000	55.000		1.034.500	7.969.538	
3	HL-00033	Nguyễn Đức Phong	Phó phòng	6.843.000	17	A	7.375.000	5	1.315.962			8.690.962	547.400	102.600	68.400	86.900	55.000		860.300	7.830.662	
2	**08**	**Tổ chuyên viên**			**184**		**57.189.000**	**58**	**13.203.383**	**0,30**	**417.000**	**70.809.383**	**5.233.000**	**981.300**	**654.000**	**708.000**	**605.000**	**49.408**	**8.230.708**	**62.578.675**	
4	HL-00371	Phạm Văn Hùng	Chuyên viên	5.682.000	17	A	5.199.000	5	1.092.692			6.291.692	454.600	85.200	56.800	62.900	55.000		714.500	5.577.192	
5	HL-00035	Nguyễn Mạnh Cường	Chuyên viên	6.264.000	17	A	5.199.000	5	1.204.615	0,30	417.000	6.820.615	501.100	94.000	62.600	68.200	55.000		780.900	6.039.715	
6	HL-00034	Trương Thị Hải Yến	Chuyên viên	6.264.000	17	A	5.199.000	5	1.204.615			6.403.615	501.100	94.000	62.600	64.000	55.000		776.700	5.626.915	
7	HL-00181	Nguyễn Thị Nguyệt	Chuyên viên	6.264.000	17	A	5.199.000	5	1.204.615			6.403.615	501.100	94.000	62.600	64.000	55.000	49.408	826.108	5.577.507	
8	HL-03965	Trần Văn Thanh	Chuyên viên	6.264.000	17	A	5.199.000	5	1.204.615			6.403.615	501.100	94.000	62.600	64.000	55.000		776.700	5.626.915	
9	HL-03486	Nguyễn Thanh Tuyền	Chuyên viên	5.966.000	17	A	5.199.000	5	1.147.308			6.346.308	477.300	89.500	59.700	63.500	55.000		745.000	5.601.308	
10	HL-01021	Phạm Đức Độ	Chuyên viên	5.682.000	17	A	5.199.000	5	1.092.692			6.291.692	454.600	85.200	56.800	62.900	55.000		714.500	5.577.192	
11	HL-01950	Nguyễn Thị Nga	Chuyên viên	5.966.000	17	A	5.199.000	5	1.147.308			6.346.308	477.300	89.500	59.700	63.500	55.000		745.000	5.601.308	
12	HL-01946	Phạm Thị Tám	Chuyên viên	5.966.000	17	A	5.199.000	5	1.147.308			6.346.308	477.300	89.500	59.700	63.500	55.000		745.000	5.601.308	
13	HL-03518	Phạm Thị Tỉnh	Chuyên viên	5.682.000	17	A	5.199.000	5	1.092.692			6.291.692	454.600	85.200	56.800	62.900	55.000		714.500	5.577.192	
14	HL-00179	Nguyễn Hữu Ninh	Chuyên viên	5.411.000	14	A	5.199.000	8	1.664.923			6.863.923	432.900	81.200	54.100	68.600	55.000		691.800	6.172.123	
Tổng cộng					**235**		**82.400.000**	**73**	**17.434.921**	**0,30**	**417.000**	**100.251.921**	**6.993.300**	**1.311.400**	**874.000**	**1.002.400**	**770.000**	**49.408**	**11.000.508**	**89.251.413**	

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 3 năm 2019

LẬP BIỂU	PHÒNG TCLĐ	P.KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	**Nguyễn Văn Thỏa**	**Đặng Thanh Lam**	**Phạm Văn Hùng**